



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited

**CÔNG TY TNHH MTV
PHÀ AN GIANG**

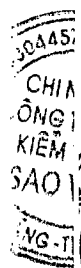
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ KIỂM TOÁN**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**SVC SVC SVC SVC SVC S
VC SVC SVC SVC SVC SVC**

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY	1 – 3
- BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 – 5
- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 – 7
- KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 – 25



CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

Chủ tịch Công ty hân hạnh đề trình bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

1. Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty

Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty đương nhiệm trong năm 2016 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Ông Phạm Châu Hà	Chủ tịch
- Ông Trần Quốc Long	Giám đốc
- Ông Phạm Văn Thông	Phó Giám đốc
- Ông Trần Văn Thanh Tú	Phó Giám đốc

Ông Trần Quốc Long được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Công ty thay cho Ông Phạm Châu Hà theo Quyết định số 547/QĐ-CTY ngày 30/11/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

2. Kiểm soát viên

Kiểm soát viên Công ty đương nhiệm trong năm 2016 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Ông Phan Hữu Hiền	Kiểm soát viên chuyên trách
- Ông Vương Đại Dương	Kiểm soát viên kiêm nhiệm

Trong năm 2016, không có bất kỳ sự thay đổi nào đối với các thành viên Ban kiểm soát.

3. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 360, đường Lý Thái Tổ, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Năng Gù;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Châu Giang;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Thuận Giang;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Tân Châu;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà An Hòa;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Mương Ranh.
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang – Cửa hàng Xăng dầu Phà An Giang.

4. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600110119 đăng ký lần đầu ngày 19/08/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 03/11/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

- Tổ chức cứu hộ các phương tiện giao thông thủy;
- Lắp đặt hệ động lực các phương tiện vận tải thủy;
- Thi công, xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống...);
- Vận tải hàng hóa và các phương tiện giao thông đường bộ;
- Đóng mới và sửa chữa các phương tiện vận tải thủy;
- Gia công lắp ráp, sửa chữa ponton, cầu sắt;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (tuân thủ quy định pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động);
- Nạo vét luồng lạch lòng sông, bến bãi;
- Thu phí cầu đường;
- Mua bán xăng, dầu, nhớt.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm các hoạt động sau:

- Vận tải hàng hóa và các phương tiện giao thông đường bộ;
- Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (tuân thủ quy định pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động);
- Thu phí cầu đường;
- Mua bán xăng, dầu, nhớt.

5. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được thể hiện trong báo cáo tài chính riêng từ trang 6 đến trang 25.

Các kết quả tài chính

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	12.178.092.318 VND
- Lợi nhuận khác	589.534.386 VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.767.626.704 VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.576.353.741 VND
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.191.272.963 VND

6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng: không có

7. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Chủ tịch Công ty cam kết rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra trong giai đoạn kể từ ngày kết thúc niên độ tài chính cho đến ngày lập bản báo cáo này cần phải điều chỉnh số liệu hoặc khai báo trên báo cáo tài chính riêng.

8. Kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính riêng năm 2016 cho Công ty.

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

9. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính riêng

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính riêng.
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

10. Phê duyệt báo cáo tài chính riêng

Chủ tịch Công ty phê duyệt báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng này đã được lập và phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Long Xuyên, ngày 20 tháng 01 năm 2017
CHỦ TỊCH CÔNG TY

PHẠM CHÂU HÀ



Số: 02/2017/SVCT-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Chủ tịch Công ty, Ban Giám đốc**
Công ty TNHH MTV Phà An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty TNHH MTV Phà An Giang ("Công ty") được lập ngày 06 tháng 01 năm 2017, từ trang 6 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Phà An Giang tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Quang Nhơn, Giám đốc

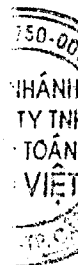
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0325-2013-107-1

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

Cần Thơ, ngày 20 tháng 01 năm 2017

Lê Thị Hồng Phương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3578-2016-107-1



CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mẫu số : B 01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		164.606.219.305	207.704.310.777
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>V.1</i>	<i>117.817.613.780</i>	<i>116.986.521.048</i>
1. Tiền	111		7.817.613.780	3.986.521.048
2. Các khoản tương đương tiền	112		110.000.000.000	113.000.000.000
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>	<i>V.2</i>	<i>36.380.187.689</i>	<i>81.654.467.414</i>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		80.000.000	393.416.843
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		16.988.676.800	849.095.000
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	2.530.736.349
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		19.286.385.889	77.881.219.222
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		25.125.000	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>		<i>10.153.388.612</i>	<i>7.962.920.284</i>
1. Hàng tồn kho	141	<i>V.3</i>	10.153.388.612	7.962.920.284
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>	<i>V.4</i>	<i>255.029.224</i>	<i>1.100.402.031</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		121.017.088	208.165.308
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153		134.012.136	892.236.723
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		216.131.608.015	205.363.563.298
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>137.433.284.896</i>	<i>188.523.946.637</i>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<i>V.5</i>	136.169.655.041	187.260.316.782
- Nguyên giá	222		318.774.161.690	343.080.764.099
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(182.604.506.649)	(155.820.447.317)
3. Tài sản cố định vô hình	227	<i>V.6</i>	1.263.629.855	1.263.629.855
- Nguyên giá	228		1.263.629.855	1.263.629.855
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<i>230</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<i>240</i>		<i>66.061.140.761</i>	<i>2.217.643.545</i>
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	<i>V.7</i>	66.061.140.761	2.217.643.545
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>	<i>V.8</i>	<i>12.637.182.358</i>	<i>14.621.973.111</i>
1. Đầu tư vào công ty con	251		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(12.362.817.642)	(10.378.026.889)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		380.737.827.320	413.067.874.070

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mẫu số : B 01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

			Đơn vị tính: VND
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm
			Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		20.598.421.950
I. Nợ ngắn hạn	310		13.602.021.842
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		397.132.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	1.883.361.741
4. Phải trả người lao động	314		712.057.125
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	317		-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		119.257.576
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	1.721.355.976
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.165.989.424
II. Nợ dài hạn	330		6.996.400.108
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-
7. Phải trả dài hạn khác	337		60.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	6.938.640.600
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		57.759.508
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		360.139.405.370
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	360.139.405.370
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		360.139.405.370
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-
1. Nguồn kinh phí	431		-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		380.737.827.320
			413.067.874.070

Nguyễn Kim Thơ
Người lập

Trần Thị Thu Dung
Kế toán trưởng

Phạm Châu Hà
Chủ tịch Công ty
Long Xuyên, ngày 06 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016**

Đơn vị tính: VND

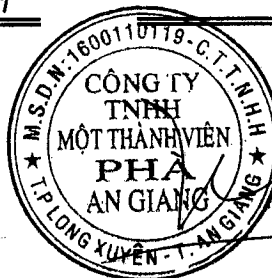
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		175.385.894.570	151.811.686.025
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	175.385.894.570	151.811.686.025
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.1	152.346.279.351	125.551.918.876
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20	VI.1	23.039.615.219	26.259.767.149
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	6.497.195.237	6.002.297.503
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	2.466.398.153	11.009.142.364
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		481.607.400	631.115.475
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	14.892.319.985	12.018.515.290
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.178.092.318	9.234.406.998
11. Thu nhập khác	31	VI.5	729.775.578	2.010.948.272
12. Chi phí khác	32	VI.6	140.241.192	110.700.755
13. Lợi nhuận khác	40		589.534.386	1.900.247.517
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.9	12.767.626.704	11.134.654.515
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	2.576.353.741	2.451.163.993
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.8	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.9	10.191.272.963	8.683.490.522
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-



Nguyễn Kim Thơ
Người lập



Trần Thị Thu Dung
Kế toán trưởng



Phạm Châu Hà
Chủ tịch Công ty
Long Xuyên, ngày 06 tháng 01 năm 2017

CH
CƠ
KIẾ
SA
BÁO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	98.908.314.054	88.557.093.170
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(50.619.546.737)	(66.168.080.887)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(53.359.123.589)	(48.556.284.696)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	(631.115.475)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.818.129.154)	(1.993.719.471)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	57.469.424.341	147.432.544.128
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(57.702.726.938)	(140.411.789.769)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(7.121.788.023)	(21.771.353.000)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(758.636.364)	(3.662.050.534)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	91.684.637
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(47.000.000.000)	(20.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	52.530.736.349	32.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.067.140.770	5.374.691.292
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	10.839.240.755	13.804.325.395
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	820.000.000	560.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.706.360.000)	(3.965.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.886.360.000)	(3.405.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	831.092.732	(11.372.027.605)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	116.986.521.048	128.358.548.653
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	117.817.613.780	116.986.521.048

Nguyễn Kim Thơ
Người lập

Trần Thị Thu Dung
Kế toán trưởng



Phạm Châu Hà
Chủ tịch Công ty
Long Xuyên, ngày 06 tháng 01 năm 2017



CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Phà An Giang (sau đây gọi tắt là Công ty) là công ty TNHH một thành viên được chuyển đổi từ Công ty Phà An Giang theo Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 02/08/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Chủ sở hữu Công ty: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 437.000.000.000.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu thể hiện trên Bảng cân đối kế toán vào ngày 31/12/2016 là 360.139.405.370.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Vận tải, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Tổ chức cứu hộ các phương tiện giao thông thủy;
- Lắp đặt hệ động lực các phương tiện vận tải thủy;
- Thi công, xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống...);
- Vận tải hàng hóa và các phương tiện giao thông đường bộ;
- Đóng mới và sửa chữa các phương tiện vận tải thủy;
- Gia công lắp ráp, sửa chữa ponton, cầu sắt;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (tuân thủ quy định pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động);
- Nạo vét luồng lạch lòng sông, bến bãi;
- Thu phí cầu đường;
- Mua bán xăng, dầu, nhớt.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm các hoạt động sau:

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng: không có.

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 360, đường Lý Thái Tổ, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Năng Gù;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Châu Giang;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Thuận Giang;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Tân Châu;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà An Hòa;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Mương Ranh.
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang – Cửa hàng Xăng dầu Phà An Giang.

7. Thông tin về công ty con:

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng An Giang:

- Địa chỉ: số 360, đường Lý Thái Tổ, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- Hoạt động kinh doanh chính: hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, đóng tàu và cầu kiện nổi, xây dựng công trình đường sắt và đường bộ,...
- Tỷ lệ lợi ích: 71,29%;
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 71,29%.

8. Thông tin so sánh: Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng năm 2015 đã được kiểm toán.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng: không có

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu ngắn hạn. Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ phải thu.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

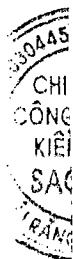
Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Cuối niên độ kế toán 2016, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:



CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Nhóm TSCĐ	Thời gian khấu hao ước tính
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 09 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07 năm
- TSCĐ vô hình – Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao

5. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm 2016, Công ty không phát sinh chi phí thuế TNDN hoãn lại.

6. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay được ghi sổ kế toán theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận trong báo cáo tài chính của Công ty theo phương pháp giá gốc. Giá gốc của các khoản đầu tư này bao gồm phần vốn góp hoặc giá thực tế mua khoản đầu tư cộng (+) các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, thuế, phí, lệ phí... Cổ tức, lợi nhuận trước khi đầu tư nhận được sẽ ghi giảm giá trị khoản đầu tư đó. Cổ tức, lợi nhuận sau khi đầu tư nhận được sẽ ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản được chia khác được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác được lập khi các khoản đầu tư bị giảm giá hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tiền lương

Trong năm 2016, Công ty trích quỹ lương của viên chức quản lý là 2.603.000.000 và quỹ lương của người lao động là 55.835.000.000 theo Công văn số 1805/UBND-KTTH ngày 16/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản nợ vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản nợ vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán.

Trong năm 2016, chi phí đi vay được vốn hóa là 38.657.000.

12. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Năm 2016, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận sau thuế theo hướng dẫn tại Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 của Chính Phủ, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh lại khi có quyết định chính thức về việc đánh giá doanh nghiệp.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Đối với các khoản thu nhập từ hoạt động mua, bán chứng khoán, ngoại tệ, doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá mua.

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cuối kỳ kế toán, toàn bộ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh riêng.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trù thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng tại Công ty là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm 2015, Công ty không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

17. Số dư đầu năm

Số dư đầu năm căn cứ vào báo cáo tài chính riêng năm trước của Công ty đã được kiểm toán.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.219.681.079	1.302.572.089
Tiền gửi ngân hàng	4.597.932.701 (a)	2.683.948.959
Các khoản tương đương tiền	110.000.000.000 (b)	113.000.000.000
Cộng	117.817.613.780	116.986.521.048

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
- Chi nhánh An Giang	4.477.666.157	2.022.296.324
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		
- Chi nhánh An Giang	77.525.542	509.194.489
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang	42.741.002	152.458.146
Cộng	4.597.932.701	2.683.948.959

(b) Chi tiết số dư các khoản tương đương tiền như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang – kỳ hạn 03 tháng	50.000.000.000	50.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang – kỳ hạn 03 tháng	50.000.000.000	50.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang – kỳ hạn 01 tháng	10.000.000.000	13.000.000.000
Cộng	110.000.000.000	113.000.000.000

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	80.000.000	393.416.843
Trả trước cho người bán ngắn hạn	16.988.676.800 (c)	849.095.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	2.530.736.349
Phải thu ngắn hạn khác	19.286.385.889	77.881.219.222
- Phải thu ngắn hạn khác	19.160.385.889 (d)	77.674.219.222
- Tạm ứng	126.000.000 (e)	207.000.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	25.125.000	-
Cộng	36.380.187.689	81.654.467.414

(c) Chi tiết số dư trả trước cho người bán ngắn hạn như sau:

Người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH MTV Xây lắp An Giang	7.867.346.000	-
- Công ty Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Việt Nam	7.261.815.000	-
- Các nhà cung cấp khác	1.859.515.800	849.095.000
Cộng	16.988.676.800	849.095.000

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(d) Chi tiết số dư phải thu ngắn hạn khác tại ngày như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cho Sở Tài chính tỉnh An Giang mượn	18.752.747.000	77.303.747.000
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	407.638.889	370.472.222
Cộng	19.160.385.889	77.674.219.222

(e) Đây là số tiền tạm ứng công tác của cán bộ, công nhân viên Công ty.

3. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	9.107.873.181 (f)	7.381.825.103
Công cụ, dụng cụ trong kho	409.396.382 (g)	346.092.186
Hàng hóa	636.119.049 (h)	235.002.995
Cộng giá gốc hàng tồn kho	10.153.388.612	7.962.920.284

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có

(f) Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu tồn kho như sau:

Nguyên liệu, vật liệu	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên vật liệu chính	7.610.971.149	6.579.076.927
- Nhiên liệu	1.496.902.032	802.748.176
Cộng	9.107.873.181	7.381.825.103

(g) Chi tiết số dư công cụ, dụng cụ trong kho như sau:

Công cụ, dụng cụ	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vé phà, vé cầu đường	320.123.182	251.664.382
- Công cụ, dụng cụ	450.000	4.879.404
- Thẻ nhựa	88.823.200	89.548.400
Cộng	409.396.382	346.092.186

(h) Chi tiết số dư hàng hóa như sau:

Hàng hóa	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Xăng các loại	343.643.306	134.720.741
- Dầu các loại	255.661.684	99.242.946
- Nhớt các loại	36.814.059	1.039.308
Cộng	636.119.049	235.002.995

150-02
HÀNH
TY TNHH
TOÀN
VIỆT
P. CÁN

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	121.017.088 (i)	208.165.308
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	134.012.136 (V.9)	892.236.723
Cộng	<u>255.029.224</u>	<u>1.100.402.031</u>

(i) Chi tiết số dư chi phí trả trước ngắn hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí thuê đất bến phụ Châu Giang	120.000.000	120.000.000
- Phí sử dụng đường bộ	1.017.088	5.911.579
- Phí internet lớp học đào tạo	-	690.909
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	81.562.820
Cộng	<u>121.017.088</u>	<u>208.165.308</u>

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Nguyên giá	343.080.764.099	10.637.518.687	34.944.121.096	318.774.161.690
- Nhà cửa, vật kiến trúc	74.187.955.377	811.210.909	8.448.348.981	66.550.817.305
- Máy móc, thiết bị	2.005.555.203	-	151.878.000	1.853.677.203
- PT vận tải, TB truyền dẫn	265.571.663.900	9.762.671.414	26.228.918.852	249.105.416.462
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.315.589.619	63.636.364	114.975.263	1.264.250.720
Hao mòn lũy kế	155.820.447.317	28.156.699.438	1.372.640.106	182.604.506.649
- Nhà cửa, vật kiến trúc	18.116.968.574	2.605.822.728	133.924.981	20.588.866.321
- Máy móc, thiết bị	1.019.698.838	256.068.351	151.878.000	1.123.889.189
- PT vận tải, TB truyền dẫn	135.584.069.052	25.153.164.202	971.861.862	159.765.371.392
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.099.710.853	141.644.157	114.975.263	1.126.379.747
Giá trị còn lại	187.260.316.782			136.169.655.041
- Nhà cửa, vật kiến trúc	56.070.986.803			45.961.950.984
- Máy móc, thiết bị	985.856.365			729.788.014
- PT vận tải, TB truyền dẫn	129.987.594.848			89.340.045.070
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	215.878.766			137.870.973

Chi tiết nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Hoán cải, nâng cấp các phà	9.048.658.650
- Đường xuống bến phụ phà Thuận Giang	666.959.091
- Căng xích neo ponton bờ Long Xuyên – phà An Hòa	264.268.028
- Phao tiêu biển báo phà Thuận Giang	260.980.019
- Phao tiêu biển báo bờ Hòa Bình – phà An Hòa	188.764.717
- Các tài sản cố định khác	207.888.182
Cộng	<u>10.637.518.687</u>

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi tiết nguyên giá tài sản cố định hữu hình giảm như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Bàn giao chi phí xây dựng cầu Cồn Tiên (kèm hệ thống điện trên cầu) cho Sở Giao thông Vận tải tỉnh An Giang	25.249.557.797
- Bàn giao đường vào cầu Cồn Tiên cho Sở Giao thông Vận tải tỉnh An Giang	8.314.424.000
- Các tài sản cố định khác	1.380.139.299
Cộng	<u>34.944.121.096</u>

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình tăng như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Khấu hao trong năm	28.156.699.438
Cộng	<u>28.156.699.438</u>

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình giảm như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Thanh lý tài sản	1.372.640.106
Cộng	<u>1.372.640.106</u>
- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 3.394.290.034	
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 68.774.592.844	
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có	
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có	

6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Loại tài sản	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	1.263.629.855	-	-	1.263.629.855
- Quyền sử dụng đất	1.263.629.855	-	-	1.263.629.855
Hao mòn lũy kế	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại	1.263.629.855			1.263.629.855
- Quyền sử dụng đất	1.263.629.855			1.263.629.855

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đường tỉnh lộ 944	53.469.633.129	-
- Bến Tân Châu	8.647.393.636	453.893.636
- Sửa chữa lên đà phương tiện phà	1.810.720.183	-
- Đóng mới vỏ bàn phà	449.058.182	2.000.000
- Đại tu máy các phương tiện phà	1.489.787.449	-



CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Nạo vét thông luồng các bến phà	112.550.909	112.550.909
- Bến phụ Thuận Giang	-	856.092.273
- Gia công cầu dẫn - ponton	-	664.470.000
- Các công trình khác	81.997.273	128.636.727
Cộng	66.061.140.761	2.217.643.545

8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty con	25.000.000.000	12.362.817.642	25.000.000.000	10.378.026.889
- Công ty CP Đầu tư Phát triển				
Hạ tầng An Giang (*)	25.000.000.000	12.362.817.642	25.000.000.000	10.378.026.889
Cộng	25.000.000.000	12.362.817.642	25.000.000.000	10.378.026.889

(*) Đây là khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Giang, Công ty đầu tư và nắm giữ 71,29% vốn chủ sở hữu. Số lỗ lũy kế của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Giang đến ngày 31/12/2015 là 11.104.906.305. Số dự phòng lũy kế đến ngày 31/12/2015 đối với khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Giang là 12.362.817.642.

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng	640.383.895	11.340.803.549	11.453.936.326	527.251.118
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(892.236.723)	2.576.353.741	1.818.129.154	(134.012.136)
- Thuế thu nhập cá nhân	628.911.523	2.205.628.905	1.478.429.805	1.356.110.623
- Tiền thuế đất	-	1.142.462.762	1.142.462.762	-
- Các loại thuế khác	-	10.000.000	10.000.000	-
Cộng	377.058.695	17.275.248.957	15.902.958.047	1.749.349.605

10. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	456.752.959	702.551.304
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	16.198.456	16.057.789
- Bảo hiểm hành khách	73.531.110	74.826.420
- Chi phí bảo hành công trình	690.907.000	268.736.000
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	483.966.451	372.202.996
Cộng	1.721.355.976	1.434.374.509

11. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn	6.938.640.600 (j)	9.825.000.600
Cộng	6.938.640.600	9.825.000.600

3457
CHÍNH
ĐỒNG
KIỂM
SỐ
AO
VG

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(j) Chi tiết số dư vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khu vực Đồng Tháp – An Giang	5.892.000.600	9.265.000.600
- Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh An Giang	1.046.640.000	560.000.000
Cộng	6.938.640.600	9.825.000.600

12. Vốn chủ sở hữu

(a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm trước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Vốn góp của chủ sở hữu	386.813.320.918	-	1.403.676.035	385.409.644.883
- Quỹ đầu tư phát triển	5.688.695.127	2.605.047.157	-	8.293.742.284
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	8.683.490.522	8.683.490.522	-
Cộng	392.502.016.045	11.288.537.679	10.087.166.557	393.703.387.167

(b) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Vốn góp của chủ sở hữu	385.409.644.883	8.293.742.284	33.563.981.797	360.139.405.370
- Quỹ đầu tư phát triển	8.293.742.284	-	8.293.742.284	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	10.191.272.963	10.191.272.963	-
Cộng	393.703.387.167	18.485.015.247	52.048.997.044	360.139.405.370

Vốn góp của chủ sở hữu tăng là do:

	<u>Số tiền</u>
- Kết chuyển từ quỹ đầu tư phát triển sang	8.293.742.284
Cộng	8.293.742.284

Vốn góp của chủ sở hữu giảm là do:

	<u>Số tiền</u>
- Bàn giao chi phí xây dựng cầu Cồn Tiên (kèm hệ thống điện trên cầu) cho Sở Giao thông Vận tải tỉnh An Giang	25.249.557.797
- Bàn giao đường vào cầu Cồn Tiên cho Sở Giao thông Vận tải tỉnh An Giang	8.314.424.000
Cộng	33.563.981.797

Quỹ đầu tư phát triển giảm là do:

	<u>Số tiền</u>
- Kết chuyển sang vốn góp của chủ sở hữu	8.293.742.284
Cộng	8.293.742.284

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ

(a) *Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm trước*

	<i>Doanh thu thuần</i>	<i>Giá vốn</i>	<i>Lãi gộp</i>	<i>Tỷ lệ</i>
- Bến An Hòa	58.444.452.740	40.282.137.237	18.162.315.503	31,08%
- Bến Trà Ôn	9.448.759.458	5.627.377.231	3.821.382.227	40,44%
- Bến Ô Mội	1.210.081.710	3.318.599.080	(2.108.517.370)	(174,25%)
- Bến Năng Gù	10.701.528.144	11.921.995.493	(1.220.467.349)	(11,40%)
- Bến Châu Giang	27.691.661.188	19.707.738.613	7.983.922.575	28,82%
- Bến Khánh Bình	193.822.576	1.111.766.357	(917.943.781)	(473,60%)
- Bến phụ Châu Giang	25.461.219	568.925.380	(543.464.161)	(2.134,48%)
- Bến Tân An	6.196.504.817	3.997.611.680	2.198.893.137	35,49%
- Bến Tân Châu	16.102.269.744	16.681.014.878	(578.745.134)	(3,59%)
- Bến Thuận Giang	15.908.433.489	13.369.490.957	2.538.942.532	15,96%
- Bến Mương Ranh	4.339.256.127	8.204.713.033	(3.865.456.906)	(89,08%)
- Cửa hàng Xăng dầu	538.545.723	485.306.149	53.239.574	9,89%
- Liên kết đào tạo	1.010.909.090	275.242.788	735.666.302	72,77%
Cộng	151.811.686.025	125.551.918.876	26.259.767.149	17,30%

(b) *Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay*

	<i>Doanh thu thuần</i>	<i>Giá vốn</i>	<i>Lãi gộp</i>	<i>Tỷ lệ</i>
- Bến An Hòa	62.019.088.344	43.241.349.156	18.777.739.188	30,28%
- Bến Trà Ôn	9.762.541.325	5.481.927.345	4.280.613.980	43,85%
- Bến Ô Mội	1.071.129.079	3.030.226.696	(1.959.097.617)	(182,90%)
- Bến Năng Gù	11.733.264.058	13.688.325.509	(1.955.061.451)	(16,66%)
- Bến Châu Giang	31.603.622.440	22.606.404.837	8.997.217.603	28,47%
- Bến Khánh Bình	299.351.743	1.229.701.769	(930.350.026)	(310,79%)
- Bến Tân An	6.930.626.754	4.253.449.035	2.677.177.719	38,63%
- Bến Tân Châu	17.894.534.100	20.788.952.776	(2.894.418.676)	(16,17%)
- Bến Thuận Giang	16.963.125.641	15.036.707.084	1.926.418.557	11,36%
- Bến Mương Ranh	4.807.945.837	10.320.912.455	(5.512.966.618)	(114,66%)
- Cửa hàng Xăng dầu	11.551.901.613	12.520.112.461	(968.210.848)	(8,38%)
- Liên kết đào tạo	748.763.636	148.210.228	600.553.408	80,21%
Cộng	175.385.894.570	152.346.279.351	23.039.615.219	13,14%

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Lãi tiền gửi ngân hàng	6.472.064.041	5.745.163.514
- Lãi cho vay	25.131.196	257.133.989
Cộng	6.497.195.237	6.002.297.503

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí lãi vay	481.607.400	631.115.475
- Chi phí dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	1.984.790.753	10.378.026.889
Cộng	<u>2.466.398.153</u>	<u>11.009.142.364</u>

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	9.528.528.056	8.467.215.921
- Chi phí vật liệu quản lý	196.298.059	120.366.605
- Chi phí đồ dùng văn phòng	245.105.354	193.421.307
- Chi phí khấu hao TSCĐ	738.679.734	761.094.574
- Thuế, phí và lệ phí	274.890	910.290.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.531.600.095	272.174.521
- Chi phí bằng tiền khác	1.651.833.797	1.293.952.362
Cộng	<u>14.892.319.985</u>	<u>12.018.515.290</u>

5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu tiền cho thuê vẽ quảng cáo trên phà, cho thuê mặt bằng	449.766.365	276.212.423
- Thu tiền dầu các phà	62.198.006	59.656.681
- Thanh lý, nhượng bán vật tư, tài sản	163.273.026	146.234.637
- Thu tiền vé năm, thẻ miễn phí, thẻ ưu tiên qua phà	-	9.614.546
- Thu nhập từ lợi nhuận để lại của trạm thu phí cầu Cồn Tiên	-	1.392.848.398
- Các khoản thu nhập khác	54.538.181	126.381.587
Cộng	<u>729.775.578</u>	<u>2.010.948.272</u>

6. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thanh lý vật tư, tài sản	26.099.193	29.791.664
- Truy thu thuế	15.871.999	-
- Các khoản chi phí khác	98.270.000	80.909.091
Cộng	<u>140.241.192</u>	<u>110.700.755</u>

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.576.353.741	2.451.163.993
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>2.576.353.741</u>	<u>2.451.163.993</u>

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các việc hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	<u>-</u>	<u>-</u>

9. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2016	12.767.626.704
Điều chỉnh các khoản tăng thu nhập chịu thuế	114.141.999
- Truy thu thuế	15.871.999
- Chi phí không có hóa đơn, chứng từ đúng quy định	98.270.000
Lợi nhuận tính thuế năm 2016	12.881.768.703
Trừ: - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.576.353.741
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2016	10.191.272.963
- Trích lập quỹ thưởng Ban điều hành	325.912.500
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	9.865.360.463
Số dư lợi nhuận chưa phân phối cuối năm 2016	-

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:** không có
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán:** không có
- Thông tin về các bên có liên quan:**

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính vào ngày 31/12/2016, các bên sau đây được xem là các bên liên quan:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Quan hệ</i>
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng An Giang	360 đường Lý Thái Tổ, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	Công ty con

Các nghiệp vụ giao dịch với các bên liên quan:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Khoản mục</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng An Giang	Lãi cho vay	157.131.196

- Thông tin so sánh:** Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán.
- Thông tin về hoạt động liên tục:** Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Chủ tịch Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.
- Thay đổi chính sách kế toán:** không có

NGƯỜI LẬP



NGUYỄN KIM THƠ

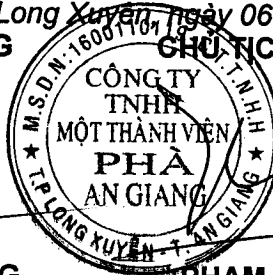
KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN THỊ THU DUNG

Long Xuyên, ngày 06 tháng 01 năm 2017

CHỦ TỊCH CÔNG TY



PHẠM CHÂU HÀ